



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

TỔNG CÔNG TY
THỦY SẢN VIỆT NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

TỔNG CÔNG TY
THỦY SẢN VIỆT NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	15 - 52
8. Phụ lục	53 - 54

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310745210, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 17 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 08 38 291 924
- Fax : 08 38 290 146

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất rượu vang (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bia, mạch nha ủ men bia (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Đóng tàu và cấu kiện nổi (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác), (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí tại trụ sở)
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh)
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh bến bãi xe ô tô, vận tải hàng không)
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn đầu thầu;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Quảng cáo;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Thiết kế phương tiện thủy nội địa;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước. Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Dạy nghề;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý);
- Dịch vụ hậu cần nghề cá (cung cấp dầu, nước ngọt, lương thực, thực phẩm cho ngư dân, thu mua hải sản, dịch vụ cầu cảng, tiếp nhận hàng hải sản qua cầu cảng cho ngư dân).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Mạnh Hoài	Chủ tịch	Ngày 23 tháng 3 năm 2015
Ông Vũ Văn Tiên	Phó Chủ tịch	Ngày 23 tháng 3 năm 2015
Ông Trần Tấn Tâm	Thành viên	Ngày 23 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Tân	Thành viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Liêm	Thành viên	Ngày 23 tháng 3 năm 2015

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Phan Thúy Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2015
Ông Vũ Cao Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2015
Bà Lê Thị Thu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 8 năm 2015 Bổ nhiệm ngày 24 tháng 8 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Tấn Tâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Tấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 06 tháng 7 năm 2015
Ông Mai Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Như Mai	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015
Ông Thái Bá Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2015

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Tấn Tâm – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, *hpl*



Trần Tân Tâm
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016



C. T. TNHH
HAN
VÂN
PHÍ MINH



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0516/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, từ trang 08 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Các vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.2d trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về trích lập dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty cổ phần thủy đặc sản. Theo đó, khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty cổ phần thủy đặc sản do chưa đủ điều kiện lập dự phòng nên chưa được Tập đoàn xem xét đến số tiền 50.000.000.000 VND mà Công ty cổ phần thủy đặc sản đã ghi nhận vào thu nhập của các năm tài chính 2007, 2009 và năm 2010 khi nhận ứng trước của Trường Đại học quốc tế Hồng Bàng theo văn bản thỏa thuận hợp tác đầu tư số 363/2010/TT-SEAS-HB ngày 29 tháng 10 năm 2010. Hiện tại, Trường Đại học quốc tế Hồng Bàng đang yêu cầu Công ty cổ phần thủy đặc sản hoàn trả số tiền 50.000.000.000 VND và tiền lãi phát sinh theo văn bản thỏa thuận trên do dự án hợp tác đầu tư giữa hai bên chưa được triển khai và hai bên còn đang trong quá trình thương thảo để giải-quyết vấn đề.

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.2c trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả sự không chắc chắn về khoản thu nhập liên quan khoản đầu tư vào Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch Cỏ May với tổng giá trị là 15.000.000.000 VND mà Tập đoàn chưa ghi nhận vào sổ sách kế toán. Theo Giấy chứng nhận phần vốn góp của Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch Cỏ May số 01/GCN-CMC ngày 20 tháng 3 năm 2015 thì Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên (nay là Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần) đã góp đủ phần giá trị vốn góp (theo vốn điều lệ) là 15.000.000.000 VND dưới hình thức giá trị công trình trên đất, tiền hỗ trợ di dời và giá trị lợi thế về khai thác, quản lý sử dụng khu đất tại chân cầu Cỏ May. Tuy nhiên, Tập đoàn chưa ghi nhận khoản đầu tư trên do Ủy Ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có gửi Công văn số 2281/UBND-VP ngày 10 tháng 4 năm 2015 yêu cầu thu hồi đất do Tổng Công ty quản lý tại chân cầu Cỏ May thuộc dự án đầu tư nêu trên.

Vấn đề khác

Số đầu năm trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã ghi nhận trên cơ sở thực hiện theo Quyết định số 5449/QĐ-BNN-QLDN ngày 28 tháng 12 năm 2015 về việc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 Tập đoàn không trình bày số liệu so sánh từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 16 tháng 4 năm 2015 theo quy định.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2013-008-1

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		722.882.531.254	1.215.495.258.342
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	248.273.167.947	406.016.681.310
1. Tiền	111		28.195.963.093	64.320.759.695
2. Các khoản tương đương tiền	112		220.077.204.854	341.695.921.615
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		127.509.168.380	132.021.382.073
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	11.957.748.143	11.957.748.143
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(7.545.377.433)	(7.979.843.800)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	123.096.797.670	128.043.477.730
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		179.160.711.103	373.042.476.085
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	154.326.235.528	343.344.445.862
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.706.619.310	24.720.800.432
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	17.107.607.008	24.201.619.618
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(12.076.924.844)	(32.321.563.928)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	13.097.174.101	13.097.174.101
IV. Hàng tồn kho	140		152.659.054.602	289.432.389.856
1. Hàng tồn kho	141	V.8	169.092.210.756	311.954.000.615
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(16.433.156.154)	(22.521.610.759)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.280.429.222	14.982.329.018
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	254.764.259	975.885.706
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.468.553.068	4.712.105.728
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	9.557.111.895	9.294.337.584
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.049.792.835.208	1.045.862.554.510
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.038.753.600	1.055.961.800
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.038.753.600	1.055.961.800
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		125.982.234.938	184.790.604.062
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	96.796.198.605	146.211.086.167
- Nguyên giá	222		318.764.137.570	508.652.987.274
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(221.967.938.965)	(362.441.901.107)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	29.186.036.333	38.579.517.895
- Nguyên giá	228		32.408.515.512	43.238.512.879
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.222.479.179)	(4.658.994.984)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.603.403.921	1.489.505.565
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	1,603.403.921	1,489.505.565
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		911.689.359.175	843.812.661.495
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	781.775.464.567	140.797.333.378
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	138.356.750.401	700.295.328.117
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2e	(11.162.855.793)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	2.720.000.000	2.720.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.479.083.574	14.713.821.588
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	2.044.587.401	7.279.325.415
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	7.434.496.173	7.434.496.173
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.772.675.366.462	2.261.357.812.852

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		284.798.152.896	778.481.982.730
I. Nợ ngắn hạn	310		276.697.749.896	774.587.462.979
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	20.109.560.975	31.932.907.023
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	12.784.379.903	28.517.411.152
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	15.415.045.412	20.991.788.749
4. Phải trả người lao động	314	V.17	21.239.612.475	36.261.309.551
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	29.801.507.415	28.674.076.765
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	827.168.668	2.146.627.708
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	77.911.527.330	208.305.149.685
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	97.532.165.687	413.124.839.354
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	1.076.782.031	4.633.352.992
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		8.100.403.000	3.894.519.751
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	8.100.403.000	3.477.044.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	385.662.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	31.813.751
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.487.877.213.566	1.482.875.830.122
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.487.877.213.566	1.482.875.830.122
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.23	195.308.236	167.068.599
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.23	(50.500.000)	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.23	(4.915.463.760)	3.496.938.397
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	11.259.910.872	18.466.141.983
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	123.151.196.178	52.395.879.004
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		60.372.384.400	52.395.879.004
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		62.778.811.778	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		108.236.762.040	158.349.802.139
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.772.675.366.462	2.261.357.812.852

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016




Võ Thị Hiền
Người lập biểu


Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng


Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 17/4/2015 đến 31/12/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.422.867.236.895
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.333.681.850
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.420.533.555.045
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.296.529.375.219
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		124.004.179.826
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	29.087.431.065
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	27.029.904.365
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.996.379.467
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	55.980.586.985
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	38.891.976.946
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	70.792.720.981
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		72.357.595.584
12. Thu nhập khác	31	VI.8	3.216.748.492
13. Chi phí khác	32	VI.9	673.201.166
14. Lợi nhuận khác	40		2.543.547.326
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		74.901.142.910
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	1.946.066.613
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(31.813.751)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>72.986.890.048</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>62.778.811.778</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	V.24	<u>10.208.078.270</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>477</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>477</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016



Vũ Thị Hiền
Người lập biểu



Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 17/4/2015 đến 31/12/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		74.901.142.910
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10; V.11; V.12	18.293.770.045
- Các khoản dự phòng	03	V.6; V.8; V.2e	5.111.676.707
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	366.557.530
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(69.419.537.466)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	6.996.379.467
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(9.370.922.663)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.879.066.530
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24.287.103.571)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		53.663.642.893
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.408.361.988)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.886.583.385
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18; VI.5	(6.918.089.302)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(1.866.200.108)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22; VII	(129.022.540.917)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(78.073.003.078)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10; V.11; V.12	(4.395.662.429)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.8	191.763.963
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2b	4.946.680.060
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2	22.801.394.741
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.4	26.527.665.975
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		50.071.842.310

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 17/4/2015 đến 31/12/2015
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.23	(50.500.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	470.058.136.344
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(590.883.699.609)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20; V.23	(8.822.381.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(129.698.445.065)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(157.699.605.833)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	406.016.681.310
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(43.907.530)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	248.273.167.947

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016



Võ Thị Hiền
Người lập biểu



Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Cung ứng lao động tạm thời; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Nuôi trồng thủy sản (cá tầm thương phẩm) tiêu thụ nội địa; Dịch vụ, thương mại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thoái đầu tư và mất quyền kiểm soát

Ngày 23 tháng 7 năm 2015 Tập đoàn chuyển nhượng 11,00% cổ phần tại Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung. Do chỉ còn nắm giữ 43,68% quyền biểu quyết nên Tập đoàn không còn kiểm soát công ty này. Khoản đầu tư còn lại được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Tài sản và nợ phải trả của công ty con tại ngày thoái vốn như sau:

Tài sản	355.662.455.128
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.550.488.859
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	186.728.899.751
Trả trước cho người bán ngắn hạn	29.094.315.973
Phải thu ngắn hạn khác	8.950.432.831
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(20.716.380.970)
Hàng tồn kho	89.198.146.966
Chi phí trả trước ngắn hạn	46.173.026
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	3.986.830.978
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	2.083.793.651
Tài sản cố định hữu hình	35.491.951.794
Tài sản cố định vô hình	8.628.098.296
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	679.634.712
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	2.859.870.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.080.199.261

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả	(236.313.729.907)
Phải trả người bán ngắn hạn	(12.607.171.386)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	(4.291.774.313)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(7.006.342.296)
Phải trả người lao động	(9.186.720.876)
Chi phí phải trả ngắn hạn	(1.063.029.435)
Phải trả ngắn hạn khác	(6.287.847.421)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(195.475.422.402)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(395.421.778)
Tài sản thuần	119.348.725.221
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(54.094.809.706)
Tài sản thuần của Tập đoàn	65.253.915.515
Tỷ lệ vốn chuyển nhượng	20,12%
Tài sản thuần chuyển nhượng	13.129.087.802

Lãi/(Lỗ) liên quan đến thoái vốn tại công ty con như sau:

Giá chuyển nhượng	11.110.000.000
Tài sản thuần khi thoái vốn	(13.129.087.802)
Lãi/(Lỗ) thoái vốn	(2.019.087.802)

Tiền thu thuần từ việc thoái vốn tại công ty con:

Thu bằng tiền	11.110.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền tại công ty con tại ngày chuyển nhượng	(3.550.488.859)
Tiền thu thuần	7.559.511.141

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Hà Nội	Số 20 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam.	Chế biến thực phẩm	59,34%	59,34%	59,34%	59,34%
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn	Khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.	Chế biến thực phẩm	50,78%	50,78%	50,78%	50,78%
Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.	Đóng mới, sửa chữa các loại phương tiện thủy	62,37%	62,37%	62,37%	62,37%
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung	Số 01 Bùi Quốc Hưng, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.	Chế biến thủy sản	-	54,68%	-	54,68%

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. *Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần công nghiệp thủy sản	Số 244 Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.	Thiết kế, đóng sửa tàu thuyền, kinh doanh máy móc thiết bị	46,36%	46,36%	46,36%	46,36%
Công ty cổ phần đóng sửa tàu Nhà Bè	Số 16/8B Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.	Đóng mới, sửa chữa các loại phương tiện thủy	26,01%	26,01%	26,01%	26,01%
Công ty cổ phần dịch vụ nuôi trồng thủy sản Hạ Long	Số 8 Nguyễn Công Hoan, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.	Nuôi trồng thủy sản	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty cổ phần thủy sản số 5	Số 100/26 Bình Thới, phường 14, quận 11, TP. Hồ Chí Minh.	Chế biến thủy sản	24,90%	24,90%	24,90%	24,90%
Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long	Số 71 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.	Chế biến thủy sản	27,75%	27,75%	27,75%	27,75%
Công ty cổ phần thủy sản số 4	Số 320 Hưng Phú, phường 09, quận 08, TP. Hồ Chí Minh.	Chế biến thủy sản	26,90%	26,90%	26,90%	26,90%
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung	Số 01 Bùi Quốc Hưng, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.	Chế biến thủy sản	43,68%	43,68%	-	-
Công ty cổ phần Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc Proconco	Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất thức ăn gia súc	22,08%	17,47%	22,08%	17,47%

5d. *Công ty liên doanh không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất*

Công ty liên doanh thủy sản Việt Nga, địa chỉ trụ sở chính tại đường Trần Nãi, phường An Lợi Đông, quận 2, TP. Hồ Chí Minh với tỷ lệ phần sở hữu cũng như tỷ lệ quyền biểu quyết là 50% đã hết thời hạn Hợp đồng liên doanh và Giấy phép đầu tư từ năm 2006 nên không đưa vào hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

6. *Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất*

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Các số liệu năm trước trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm nay do Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần từ ngày 17 tháng 4 năm 2015. Các quy định có thay đổi ảnh hưởng đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn như sau:

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Số đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần tại ngày 16 tháng 4 năm 2015.
- Số năm nay trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu phát sinh từ ngày 17 tháng 4 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn thoái một phần vốn tại công ty con, sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi các công ty trong Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi các công ty trong Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi các công ty trong Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.



TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trọng khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê nhà kho, mặt hồ

Tiền thuê nhà kho, mặt hồ trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí đi dờn văn phòng, chi phí nạo vét cầu cảng, chi duy trì tên miền, website... phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Tập đoàn đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (50 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.



TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó ở Tập đoàn. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là các khoản đầu tư tài chính. Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định. Tập đoàn tiến hành đánh giá lại tài sản khi thực hiện cổ phần hóa. Chênh lệch đánh giá lại tài sản này không phản ánh số chênh lệch đánh giá lại khi đưa tài sản đi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác hoặc thay đổi hình thức sở hữu.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	717.092.924	2.220.242.262
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.478.870.169	62.100.517.433
Các khoản tương đương tiền (*)	220.077.204.854	341.695.921.615
Cộng	248.273.167.947	406.016.681.310

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	9.700.360.000	2.154.982.567	(7.545.377.433)	9.700.360.000	1.720.516.200	(7.979.843.800)
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	2.257.388.143	3.458.347.200	-	2.257.388.143	3.952.396.800	-
Cộng	11.957.748.143	5.613.329.767	(7.545.377.433)	11.957.748.143	5.672.913.000	(7.979.843.800)

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng: trong năm tăng thêm 67.893 cổ phiếu (tại 01 tháng 01 năm 2015 sở hữu 441.158 cổ phiếu, tại 31 tháng 12 năm 2015 sở hữu 509.051 cổ phiếu) do được chia cổ tức bằng cổ phiếu.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

Số đầu năm	7.979.843.800
Hoàn nhập dự phòng	(434.466.367)
Số cuối năm	7.545.377.433

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	123.096.797.670	123.096.797.670	128.043.477.730	128.043.477.730
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	2.720.000.000	2.720.000.000	2.720.000.000	2.720.000.000
Cộng	125.816.797.670	125.816.797.670	130.763.477.730	130.763.477.730

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn cầm cố tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng với tổng số tiền là 28.562.983.333 VND để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công và Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long (số đầu năm là 35.050.000.000 VND).

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty liên doanh thủy sản Việt Nga	4.994.824.935	-	4.994.824.935	4.994.824.935	-	4.994.824.935
Công ty cổ phần đóng sửa tàu Nhà Bè ⁽ⁱ⁾	1.300.500.000	1.784.663.040	3.085.163.040	1.300.500.000	1.625.784.376	2.926.284.376
Công ty cổ phần thủy sản số 5	6.930.000.000	3.175.747.739	10.105.747.739	6.930.000.000	3.150.449.756	10.080.449.756
Công ty cổ phần chế biến thủy sản Hạ Long ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	-	2.112.000.000	140.038.314	2.252.038.314
Công ty cổ phần công nghiệp thủy sản	19.470.000.000	(19.470.000.000)	-	19.470.000.000	(19.470.000.000)	-
Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long	13.873.600.000	19.665.057.669	33.538.657.669	13.873.600.000	18.211.220.533	32.084.820.533
Công ty cổ phần dịch vụ nuôi trồng thủy sản Hạ Long ⁽ⁱ⁾	6.400.000.000	890.861.090	7.290.861.090	6.400.000.000	911.024.691	7.311.024.691
Công ty cổ phần thương mại quảng cáo Seaprodex ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	-	1.000.000.000	(662.896.854)	337.103.146
Công ty cổ phần thủy sản số 4	43.470.000.000	31.492.293.497	74.962.293.497	43.470.000.000	33.282.183.447	76.752.183.447
Công ty cổ phần thủy sản 584 Nha Trang ^(iv)	-	-	-	2.859.870.000	1.198.734.180	4.058.604.180
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung ^(v)	43.675.380.000	9.477.005.167	53.152.385.167	-	-	-
Công ty cổ phần Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc Proconco ^(vi)	546.897.499.662	47.748.031.768	594.645.531.430	-	-	-
Cộng	687.011.804.597	94.763.659.970	781.775.464.567	102.410.794.935	38.386.538.443	140.797.333.378

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

- (i) Khi nhận thông báo chia cổ tức cho năm tài chính 2014, Tập đoàn đã ghi nhận giảm giá trị đầu tư tương ứng do lợi nhuận năm tài chính này đã được sử dụng để đánh giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và ghi tăng vốn Nhà nước.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Tập đoàn đã bán hết cổ phiếu của Công ty cổ phần chế biến thủy sản Hạ Long với giá bán là 107.100 VND/ cổ phiếu.
- (iii) Ngày 04 tháng 6 năm 2015, Công ty cổ phần thương mại quảng cáo Seaprodex đã hoàn vốn đầu tư.
- (iv) Giảm giá trị đầu tư do Tập đoàn không còn nắm giữ quyền kiểm soát vào thông qua Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung.
- (v) Trong năm, Tập đoàn đã bán 1.100.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung với giá bán là 10.100 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 4.367.538 cổ phiếu, tương đương 43,68 % vốn điều lệ của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502276504, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 3 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 31 tháng 3 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và Hợp đồng hợp tác đầu tư số 30/2015/HĐHT-TSVN-NK ngày 05 tháng 3 năm 2015, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch Cỏ May 15.000.000.000 VND tương đương 25% vốn điều lệ.

Theo Giấy chứng nhận phần vốn góp của Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch Cỏ May số 01/GCN-CMC ngày 20 tháng 3 năm 2015 thì Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên (nay là Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần) đã góp đủ phần giá trị vốn góp (theo vốn điều lệ) là 15.000.000.000 VND dưới hình thức giá trị công trình trên đất, tiền hỗ trợ di dời và giá trị lợi thế về khai thác, quản lý sử dụng khu đất tại chân cầu Cỏ May.

Tuy nhiên, Tập đoàn chưa ghi nhận khoản đầu tư trên do Ủy Ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có gửi Công văn số 2281/UBND-VP ngày 10 tháng 4 năm 2015 yêu cầu thu hồi đất do Tập đoàn quản lý tại chân cầu Cỏ May thuộc dự án đầu tư nêu trên.

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Từ 17/4/2015</u> <u>đến 31/12/2015</u>
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung	
Cho thuê kho	184.800.000
Nhận cổ tức	4.374.030.400
Công ty cổ phần chế biến thủy sản Hạ Long	
Nhận cổ tức	63.360.000
Công ty cổ phần đóng sửa tàu Nhà Bè	
Nhận cổ tức	104.040.000
Công ty cổ phần dịch vụ nuôi trồng thủy sản Hạ Long	
Nhận cổ tức	256.000.000
Công ty cổ phần Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc Proconco	
Nhận cổ tức	6.989.011.600

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần kỹ nghệ lạnh	53.249.400.000	(8.407.800.000)	53.249.400.000	-
Công ty cổ phần thiết bị hàng hải - Mecom	1.307.080.395	-	1.307.080.395	-
Công ty cổ phần thủy đặc sản	23.144.531.354	(220.877.579)	24.116.531.354	-
Công ty cổ phần nông nghiệp Hùng Hậu	22.522.500.000	-	22.522.500.000	-
Công ty cổ phần Biển Tây	455.000.000	(455.000.000)	455.000.000	-
Công ty cổ phần bao bì thủy sản	148.403.919	-	148.403.919	-
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh phát triển nhà	2.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	-
Công ty cổ phần kinh doanh xuất nhập khẩu thủy sản	1.254.969.616	-	1.254.969.616	-
Công ty cổ phần kỹ thuật công trình Việt Nam	6.505.488.945	-	7.016.208.945	-
Công ty cổ phần vật tư thủy sản Việt Nam	995.940.542	(79.178.214)	995.940.542	-
Công ty cổ phần Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc Proconco ⁽ⁱ⁾	-	-	553.886.511.262	-
Công ty cổ phần xây lắp thủy sản II ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	1.489.147.193	-
Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Phú Mỹ	553.333.272	-	553.333.272	-
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	-	-	4.263.789.261	-
Công ty cổ phần đông lạnh Qui	-	-	816.410.000	-
Đầu tư vào Công ty khác	26.220.102.358	-	26.220.102.358	-
Cộng	138.356.750.401	(11.162.855.793)	700.295.328.117	-

Tại ngày 17 tháng 4 năm 2015, giá trị các khoản đầu tư vào các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác đã được ghi nhận theo Quyết định số 5449/QĐ-BNN-QLDN, ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- (i) Chuyển sang đầu tư liên kết do ngày 23 tháng 10 năm 2015, Công ty cổ phần Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc Proconco đã điều chỉnh vốn điều lệ giảm từ 2.000.000.000.000 VND xuống còn 1.582.770.360.000 VND điều này làm tỷ lệ vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty tăng từ 17,47% lên 22,08%.
- (ii) Công ty đã bán hết cổ phiếu của Công ty cổ phần xây lắp thủy sản II với giá bán là 23.300 VND/cổ phiếu.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Số đầu năm	-
Trích lập dự phòng bổ sung	11.162.855.793
Số cuối năm	11.162.855.793

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn chưa xem xét đến số tiền 50.000.000.000 VND mà Công ty cổ phần thủy đặc sản đã ghi nhận vào thu nhập của các năm tài chính 2007, 2009 và năm 2010 khi nhận ứng trước của Trường Đại học quốc tế Hồng Bàng theo văn bản thỏa thuận hợp tác đầu tư số 363/2010/TT-SEAS-HB ngày 29 tháng 10 năm 2010. Hiện tại, Trường Đại học quốc tế Hồng Bàng đang yêu cầu Công ty cổ phần thủy đặc sản hoàn trả số tiền 50.000.000.000 VND và tiền lãi phát sinh theo văn bản thỏa thuận trên do dự án hợp tác đầu tư giữa hai bên chưa được triển khai và hai bên còn đang trong quá trình thương thảo để giải quyết vấn đề.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Tuấn Võ	62.394.262.831	37.654.275.193
Công ty TNHH thương mại-Hà Đô	45.283.743.391	43.517.594.002
Công ty TNHH thương mại thép Đại Toàn Thắng	-	25.505.830.807
Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Hợp Tiến	-	18.766.150.782
Công ty TNHH thương mại dịch vụ sản xuất Toàn Thắng Lợi	-	14.975.954.711
Công ty TNHH thương mại Tân Vinh Thái	-	16.393.256.010
Công ty cổ phần inox Hoà Bình	-	32.833.696.263
Các khách hàng khác	46.648.229.306	153.697.688.094
Cộng	<u>154.326.235.528</u>	<u>343.344.445.862</u>

Một số công nợ phải thu đã được đảm bảo thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH thương mại Hải Hoà Phát	610.830.342	610.830.342
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Long Quỳnh	1.118.000.000	-
Công ty cổ phần thương mại và tự động hóa Công Minh	-	1.757.404.000
Công ty cổ phần vận tải và thương mại quốc tế Biển Xanh	-	820.000.000
Sumec International Technology Co., Ltd	-	5.037.352.263
Longting Stell and Iron Co., Ltd	-	2.306.609.757
Các nhà cung cấp khác	4.977.788.968	14.188.604.070
Cộng	<u>6.706.619.310</u>	<u>24.720.800.432</u>

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	2.736.632.741	-	9.025.856.466	-
Công ty cổ phần công nghiệp thủy sản - Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.043.632.741	-	2.293.632.741	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty cổ phần thủy sản số 5 - Cổ tức, lợi nhuận được chia	693.000.000	-	693.000.000	-
Công ty cổ phần thủy sản số 4 - Phải thu tiền cổ tức	-	-	3.477.600.000	-
Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long - Phải thu tiền cổ tức	-	-	2.081.040.000	-
Công ty cổ phần thương mại quảng cáo Seaprodex - Phải thu tiền cổ phần hóa	-	-	480.583.725	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	14.370.974.267	70.000.000	15.175.763.152	118.398.749
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.067.747.756	-	54.235.958	-
DNTN thương mại Tân Vạn Phát - Phải thu tiền lãi	1.521.188.795	-	1.521.188.795	-
Công ty cổ phần kỹ thuật công trình Việt Nam - Cổ tức, lợi nhuận được chia	510.720.000	-	-	-
Công ty cổ phần kỹ nghệ lạnh - Phải thu tiền cổ tức	-	-	2.179.800.000	-
Công ty cổ phần thủy sản Minh Hải - Phải thu tiền cổ tức	-	-	1.903.012.800	-
Công ty cổ phần thiết bị hàng hải - Phải thu tiền cổ tức	-	-	200.000.000	-
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Năm Vàng - Phải thu khoản tiền thanh lý khi kết thúc hợp đồng hợp tác liên doanh	525.747.790	-	525.747.790	-
Công ty cổ phần chế biến kinh doanh hải sản Dương Hà	187.452.000	-	187.452.000	-
Cảng cá Cát Lở Vũng Tàu - Lợi nhuận chuyển về	-	-	126.049.454	-
Công ty TNHH công nghệ thông tin An Phát - Đặt cọc mua hàng phải thu	715.250.250	-	-	-
Công ty TNHH phát triển công nghệ thông tin 3COM - Đặt cọc mua hàng phải thu	1.433.870.900	-	-	-
Thuế nhập khẩu 275 ngày	-	-	2.779.700.376	-
Kinh phí công đoàn	-	-	81.465.738	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	289.081.321	-	149.062.050	-
Tạm ứng	634.860.865	-	1.404.745.846	-
Ký cược, ký quỹ	4.774.128.700	-	2.321.421.675	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	710.925.890	70.000.000	1.741.880.670	118.398.749
	17.107.607.008	70.000.000	24.201.619.618	118.398.749

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty cổ phần dịch vụ tổng hợp Bình Minh						
Phải thu tiền bán hàng	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	240.000.000	168.000.000		-	-
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Năm Vàng						
Phải thu khác	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	525.747.790	262.873.895		-	-
Công ty cổ phần công nghiệp thủy sản ⁽ⁱ⁾						
Phải thu khác	Trên 03 năm	2.043.632.741	2.043.632.741		-	-
DNTN Thương mại Tân Vạn Phát ⁽ⁱ⁾						
Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	2.732.870.941	2.732.870.941		-	-
Phải thu khác	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.521.188.795	1.521.188.795		-	-
Công ty TNHH công nghiệp thương mại Thái Sơn						
Phải thu tiền hàng gửi kho bị mất	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	13.097.174.101	4.199.967.000	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	13.097.174.101	4.199.967.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		3.110.633.442	265.789.594	Trên 03 năm	2.979.056.229	344.660.372
Phải thu các tổ chức và cá nhân của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung					21.400.901.362	610.940.392
Cộng		23.271.247.810	11.194.322.966		37.477.131.692	5.155.567.764

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay ngắn hạn khó đòi như sau:

Số đầu năm	32.321.563.928
Giảm do thoái vốn công ty con	(20.716.380.970)
Trích lập dự phòng bổ sung	471.741.886
Số cuối năm	12.076.924.844

⁽ⁱ⁾ Mặc dù những công nợ này đã quá hạn nhưng trong năm 2015 khách hàng này vẫn thanh toán nên Tập đoàn đánh giá vẫn có khả năng thu hồi, không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Giá trị lô thép bị chiếm dụng. Lô hàng này được mua năm 2008 và gửi tại kho của Công ty TNHH thương mại Tân Tiến theo hợp đồng gửi kho hàng hóa số 1806/HĐGG ngày 18 tháng 6 năm 2008. Công ty mua lô hàng này để bán cho Công ty TNHH công nghiệp thương mại Thái Sơn theo Hợp đồng mua bán số 16/SEA-TH/2008 ngày 16 tháng 6 năm 2008, tuy nhiên lô hàng này đã bị chiếm dụng trước khi chuyển giao hàng hóa và quyền sở hữu. Hiện tại sự việc liên quan đến lô hàng này đang được cơ quan công an điều tra làm rõ và đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 vẫn chưa có kết luận cuối cùng. Trong năm tài chính 2015, Tập đoàn mới trích lập được một phần dự phòng tổn thất cho lô thép này. (Xem thuyết minh số V.6).

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.400.196.811	(91.435.818)	8.299.482.285	(153.550.962)
Công cụ, dụng cụ	2.640.036.946	-	2.560.478.989	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18.103.670.961	-	111.026.665.980	-
Thành phẩm	97.288.604.896	(10.462.524.723)	142.279.152.125	(16.918.677.467)
Hàng hóa	45.427.020.821	(5.879.195.613)	40.603.357.150	(5.449.382.330)
Hàng gửi đi bán	1.232.680.321	-	7.184.864.086	-
Cộng	169.092.210.756	(16.433.156.154)	311.954.000.615	(22.521.610.759)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	22.521.610.759
Hoàn nhập dự phòng	(6.088.454.605)
Số cuối năm	16.433.156.154

Một số hàng tồn kho đã được đảm bảo thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	71.841.814	469.776.871
Thuê nhà kho, mặt hồ	74.700.000	76.500.000
Chi phí sửa chữa	4.480.000	188.629.874
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	103.742.445	240.978.961
Cộng	254.764.259	975.885.706

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	603.365.171	2.405.546.453
Chi phí sửa chữa	1.299.201.681	3.161.603.585
Các chi phí trả trước dài hạn khác	142.020.549	1.712.175.377
Cộng	2.044.587.401	7.279.325.415

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	275.815.603.073	203.456.053.735	27.208.215.329	2.173.115.137	508.652.987.274
Mua sắm mới	371.084.005	1.746.758.860	1.469.989.546	37.400.000	3.625.232.411
Thanh lý, nhượng bán	(177.768.000)	(442.753.196)	(320.728.268)	(188.355.033)	(1.129.604.497)
Thoái vốn công ty con	(72.209.476.689)	(113.741.161.587)	(5.634.348.045)	(799.491.297)	(192.384.477.618)
Số cuối năm	203.799.442.389	91.018.897.812	22.723.128.562	1.222.668.807	318.764.137.570
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	23.707.995.506	54.202.051.449	10.294.181.376	491.554.680	88.695.783.011
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	168.925.733.694	168.827.563.382	22.984.604.829	1.703.999.202	362.441.901.107
Khấu hao trong năm	8.753.902.708	7.480.910.432	1.237.700.476	75.654.563	17.548.168.179
Thanh lý, nhượng bán	(177.768.000)	(442.753.196)	(320.728.268)	(188.355.033)	(1.129.604.497)
Thoái vốn công ty con	(51.636.121.387)	(99.447.450.713)	(5.227.430.721)	(581.523.003)	(156.892.525.824)
Số cuối năm	125.865.747.015	76.418.269.905	18.674.146.316	1.009.775.729	221.967.938.965
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	106.889.869.379	34.628.490.353	4.223.610.500	469.115.935	146.211.086.167
Số cuối năm	77.933.695.374	14.600.627.907	4.048.982.246	212.893.078	96.796.198.605
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 9.978.496.949 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	41.917.251.998	1.321.260.881	43.238.512.879
Thoái vốn công ty con	(10.829.997.367)	-	(10.829.997.367)
Số cuối năm	31.087.254.631	1.321.260.881	32.408.515.512
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	4.097.812.011	561.182.973	4.658.994.984
Khấu hao trong năm	644.091.547	121.291.719	765.383.266
Thoái vốn công ty con	(2.201.899.071)	-	(2.201.899.071)
Số cuối năm	2.540.004.487	682.474.692	3.222.479.179
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	37.819.439.987	760.077.908	38.579.517.895
Số cuối năm	28.547.250.144	638.786.189	29.186.036.333
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.780.809.995 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	6.404.000	1.238.171.364	(1.238.171.364)	-	6.404.000
Xây dựng cơ bản dở dang	1.483.101.565	770.430.018	-	(679.634.712)	1.573.896.871
- Công trình khách sạn Blue Sapphire - Vũng Tàu.	229.453.856	-	-	-	229.453.856
- Dự án số 02 Ngõ Gia Tự, Hà Nội	109.694.182	-	-	-	109.694.182
- Công trình xây dựng nhà máy thủy sản tại Đầm Cù	681.248.162	-	-	-	681.248.162
- Công trình xây dựng đường vào Công ty	155.335.950	29.800.000	-	-	185.135.950
- Công trình xây dựng kho vật tư	-	102.522.182	-	-	102.522.182
- Hệ xe triển 6500 tấn vật cách	265.842.539	-	-	-	265.842.539
- Công trình khác	41.526.876	638.107.836	-	(679.634.712)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	97.235.827	-	(74.132.777)	23.103.050
Cộng	1.489.505.565	2.105.837.209	(1.238.171.364)	(753.767.489)	1.603.403.921

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 22%.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	72.000.000
Cá nhân có liên quan đến các thành viên chủ chốt	-	72.000.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	20.109.560.975	31.860.907.023
Công ty TNHH Công nghệ thông tin An Phát	2.384.167.500	-
Công ty TNHH hóa chất Jebsen & Jessen Việt Nam	-	1.199.026.400
Công ty TNHH Liên	-	3.833.375.415
LG International Pte.	4.401.024.935	-
ITOCHU Corporation	3.963.072.960	-
Kokusai Pulp and Paper Co., Ltd.	-	2.313.363.087
Các nhà cung cấp khác	9.361.295.580	24.515.142.121
Cộng	20.109.560.975	31.932.907.023

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Hoàng Tứ	1.680.374.700	-
Công ty TNHH công nghiệp thương mại Thái Sơn	4.199.967.000	4.199.967.000
Công ty cổ phần thủy sản Lý Sơn	-	10.615.246.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải biển Tự Thành	-	7.643.371.680
Công ty TNHH vận tải thủy bộ Hải Hà	2.928.853.819	-
Primex International Trading Corporation	1.434.438.720	-
Các khách hàng khác	2.540.745.664	6.058.826.472
Cộng	12.784.379.903	28.517.411.152

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Thoái vốn tại công ty con	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.156.564.760	106.395.943	1.251.661.854	(1.360.287.984)	(718.452.627)	317.419.139	94.329.079
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	178.070.585	23.808.581.713	(23.808.581.713)	178.070.585	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	2.743.747.299	-	163.594.487	(163.594.487)	(2.743.747.299)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	451.820.332	8.839.568.307	1.946.066.613	(1.866.200.108)	1.830.814	1.140.341.000	9.446.391.656
Thuế thu nhập cá nhân	250.646.502	170.302.749	1.806.322.785	(1.872.277.795)	153.911.589	184.691.492	16.391.160
Tiền thuế đất	14.641.590.285	-	9.543.794.631	(11.913.374.727)	-	12.272.010.189	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	-	569.380	(569.380)	-	-	-
Thuế tài nguyên	2.400.700	-	21.304.380	(21.829.220)	-	1.875.860	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.745.018.871	-	43.362.919	(289.674.058)	-	1.498.707.732	-
Cộng	20.991.788.749	9.294.337.584	38.588.258.762	(41.299.389.472)	(3.128.386.938)	15.415.045.412	9.557.111.895

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Bán cá tầm	Không chịu thuế
- Đóng tàu cá	Không chịu thuế
- Các mặt hàng thủy sản, phụ phẩm tôm tiêu thụ nội địa	Không phải kê khai, tính thuế
- Hàng xuất khẩu	0%
- Đóng tàu sông	10%
- Bán dầu nhờn trong nước	10%
- Cho thuê địa điểm	10%
- Hàng hóa tiêu thụ nội địa và dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp do Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Các công ty còn lại trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.



TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Từ 17/4/2015 đến 31/12/2015
Tổng Công ty thủy sản Việt Nam - Công ty cổ phần	265.012.456
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Hà Nội	1.175.804.085
Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	505.250.072
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.946.066.613

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 42121000614 ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Chi nhánh Seaprodex Lâm Đồng được miễn tiền thuê đất trong 11 năm đối với diện tích mặt nước thuê để nuôi cá tầm thương phẩm và diện tích đất thuê để sử dụng vào mục đích khác.

Tiền thuê đất khác được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Lương phải trả công nhân viên và Ban lãnh đạo.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	24.280.347.217	25.077.428.900
Chi phí lãi vay phải trả	1.607.003.728	1.528.713.563
Chi phí đóng tàu	2.609.370.400	-
Chi phí người đại diện vốn	128.528.846	-
Chi phí tư vấn và hoa hồng	231.538.338	559.004.675
Chi phí dự án tôm sinh thái	304.260.970	47.998.100
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	640.457.916	1.460.931.527
Cộng	29.801.507.415	28.674.076.765

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Tiền trả trước về cho thuê mặt bằng, kho chứa hàng.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	306.291.731	994.088.602
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	100.780.922	1.868.855.632
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước - Phải trả vốn kinh doanh	61.682.188.540	186.113.525.150
Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam	71.394.789	71.394.789
Tiền thuế thu nhập cá nhân hoàn trả người lao động	110.957.200	-
Tiền lương giai đoạn cổ phần chưa chi	4.396.858.180	18.495.652
Phải trả về cổ phần hóa	167.676.467	289.630.680
Cổ tức phải trả	2.325.559.916	9.318.241.716
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	1.000.000.000
Công ty cổ phần KCC Thăng Long - Phải trả tiền nhận đặt cọc mua hàng	400.000.000	300.000.000
Công ty TNHH thương mại Hà Đô - Phải trả tiền nhận đặt cọc mua hàng	1.750.000.000	2.570.000.000
Công ty TNHH công nghệ tin học Ngọc Vĩnh - Phải trả tiền nhận đặt cọc mua hàng	1.139.519.000	-
Phải trả tiền đặt cọc cho thuê mặt bằng	721.800.000	816.936.957
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	150.000.000	1.446.120.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.588.500.585	3.497.860.507
Cộng	<u>77.911.527.330</u>	<u>208.305.149.685</u>

20b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
Công ty cổ phần xuất khẩu thủy sản Miền Trung - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	14.000.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược	8.086.403.000	3.477.044.000
Cộng	<u>8.100.403.000</u>	<u>3.477.044.000</u>

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	97.241.503.687	411.761.352.354
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽¹⁾	42.429.690.000	99.105.266.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Cà Mau ⁽¹⁾	4.509.000.000	26.494.364.000

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công</i>	24.784.073.784	27.412.530.945
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long</i>	25.518.739.903	13.679.371.295
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn</i>	-	104.176.915.528
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	-	73.903.823.421
<i>Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	-	65.327.036.165
<i>Ngân hàng liên doanh VID Public - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	-	1.662.045.000
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	45.000.000	1.045.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	90.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	245.662.000	228.487.000
Cộng	97.532.165.687	413.124.839.354

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến thủy sản với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải (xem thuyết minh số V.10 và V.11).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh chế biến, xuất khẩu tôm đông lạnh với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.10), hàng tồn kho luân chuyển và khoản phải thu bình quân với giá trị là 88 tỷ VND.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm do thoái vốn công ty con	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	411.761.352.354	469.433.136.344	-	322.650.000	(588.800.212.609)	(195.475.422.402)	97.241.503.687
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	1.045.000.000	625.000.000	-	-	(1.625.000.000)	-	45.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	90.000.000	-	-	-	(90.000.000)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	228.487.000	-	245.662.000	-	(228.487.000)	-	245.662.000
Cộng	413.124.839.354	470.058.136.344	245.662.000	322.650.000	(590.743.699.609)	(195.475.422.402)	97.532.165.687

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	385.662.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(140.000.000)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(245.662.000)
Số cuối năm	-

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Điều chỉnh do thoái vốn tại công ty con	Giảm khác (*)	Số cuối năm
Quỹ phúc lợi hình thành tài sản	618.496.256	-	-	-	(19.781.400)	598.714.856
Quỹ khen thưởng	3.469.601.127	1.187.160.006	(3.919.155.289)	(395.421.778)	-	342.184.066
Quỹ phúc lợi	20.056.591	262.676.518	(146.850.000)	-	-	135.883.109
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	525.199.018	-	(525.199.018)	-	-	-
Cộng	4.633.352.992	1.449.836.524	(4.591.204.307)	(395.421.778)	(19.781.400)	1.076.782.031

(*) Khấu hao tài sản cố định giảm nguồn.

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Ngày 29 tháng 12 năm 2015, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam có tờ trình số 178TT/-ĐTTTS-KT gửi Hội đồng quản trị của Công ty này để đề nghị Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt dùng toàn bộ quỹ dự phòng tài chính còn dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 1.461.776.741 VND và một phần quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 358.464.507 VND để bù đắp cho khoản lỗ phát sinh liên quan đến hợp đồng đóng mới tàu Tự Thành 68. Tuy nhiên đến thời điểm lập Báo cáo tài chính năm 2015, phương án bù đắp tổn thất này vẫn chưa được phê duyệt bởi Hội đồng quản trị cũng như Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam.

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

23b. Chi tiết cổ phiếu của các chủ sở hữu

	Số cuối năm
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	79.228.000
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp Miền Nam	18.750.000
Ông Nguyễn Văn Liêm	12.500.000
Ông Vũ Cao Trung	3.787.500
Ông Nguyễn Khải Hưng	3.787.500
Các cổ đông khác	6.947.000
Cộng	125.000.000

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	125.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	125.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	125.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	124.995.000
- Cổ phiếu phổ thông	124.995.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 23 tháng 3 năm 2015, kết quả kinh doanh của năm tài chính 2015 không chia cổ tức cho các cổ đông.

23e. Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó ở Tập đoàn. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là các khoản đầu tư tài chính. Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định. Tập đoàn tiến hành đánh giá lại tài sản khi thực hiện cổ phần hóa. Tình hình biến động chênh lệch đánh giá lại tài sản được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

24. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

25a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	3.712.198.387	3.578.288.438
Trên 01 năm đến 05 năm	13.937.928.916	11.294.881.350
Trên 05 năm	61.029.136.851	63.372.503.992
Cộng	<u>78.679.264.154</u>	<u>78.245.673.780</u>

Tập đoàn thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2003 đến năm 2063 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.



TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**25b. Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 816.301,02 USD (số đầu năm là 845.275,21 USD).

25c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm		Nguyên nhân xóa sổ
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
Công ty TNHH Việt Thái Phong	-	929.126.000	-	-	Quá hạn thanh toán
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Tân Việt	-	47.914.627	-	-	Quá hạn thanh toán
Lê Xuân Hòa	-	20.786.500	-	-	Quá hạn thanh toán
Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận	-	41.000.000	-	-	Quá hạn thanh toán
Lê Thanh Tùng	-	17.677.749	-	-	Quá hạn thanh toán
Nguyễn Công Thành	-	8.801.500	-	-	Quá hạn thanh toán
Hồ Thị Vân	-	1.000.000	-	-	Quá hạn thanh toán
Hải quan TP. Hồ Chí Minh	-	6.231.565	-	-	Quá hạn thanh toán
Cộng		1.072.537.941			

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Từ 17/4/2015 đến 31/12/2015
Doanh thu bán hàng hóa	514.765.382.745
Doanh thu bán thành phẩm	850.871.936.292
Doanh thu cung cấp dịch vụ	57.229.917.858
Cộng	1.422.867.236.895

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 17/4/2015 đến 31/12/2015
Hàng bán bị trả lại	2.309.832.650
Giảm giá hàng bán	23.849.200
Cộng	2.333.681.850

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 17/4/2015 đến 31/12/2015
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	507.991.544.216
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	772.198.692.645
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.427.592.963
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.088.454.605)
Cộng	<u>1.296.529.375.219</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 17/4/2015 đến 31/12/2015
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	16.783.804.923
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	74.911.166
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.176.618.100
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.813.611.207
Lãi bán hàng trả chậm	89.108.433
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	736.158.157
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	1.595.652.807
Lãi bán hàng trả chậm	2.806.636.627
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.929.645
Cộng	<u>29.087.431.065</u>

5. Chi phí tài chính

	Từ 17/4/2015 đến 31/12/2015
Chi phí lãi vay	6.996.379.467
Chiết khấu thanh toán cho người mua	6.395.894
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.544.697.591
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	366.557.530
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	10.728.389.426
Lỗ thoái vốn tại công ty con (xem thuyết minh số I.5a)	2.019.087.802
Chi phí tài chính khác	368.396.655
Cộng	<u>27.029.904.365</u>

6. Chi phí bán hàng

	Từ 17/4/2015 đến 31/12/2015
Chi phí cho nhân viên	8.403.885.732
Chi phí vật liệu, bao bì	471.844.003
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	204.720.028
Chi phí khấu hao tài sản cố định	771.347.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.430.664.075
Chi phí bằng tiền khác	14.609.515.625
Cộng	<u>38.891.976.946</u>

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 17/4/2015 đến 31/12/2015
Chi phí cho nhân viên	32.122.636.303
Chi phí vật liệu quản lý	2.552.935.240
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.877.884.626
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.702.905.995
Thuế, phí và lệ phí	10.542.831.258
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	3.396.801.610
Xử lý công nợ tồn lâu	95.840.919
Chi phí thuê văn phòng	747.543.276
Chi phí tiền điện	319.628.453
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.050.297.975
Các chi phí khác	8.383.415.326
Cộng	70.792.720.981

8. Thu nhập khác

	Từ 17/4/2015 đến 31/12/2015
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	191.763.963
Thu nhượng bán cải tạo sản phẩm đầu vỏ tôm	72.727.273
Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản	358.194.627
Thu bán phế liệu	99.432.044
Thu nhập từ thù lao người đại diện vốn	1.145.042.422
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	50.047.396
Tài sản được biểu, tặng	64.977.916
Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ	597.645.652
Thu cho thuê	67.609.091
Thu phí vệ sinh, tiền điện	111.925.282
Thu khoán vuông tôm	90.909.090
Thu nhập từ dịch vụ trông xe	119.389.468
Các khoản thu nhập khác	247.084.268
Cộng	3.216.748.492

9. Chi phí khác

	Từ 17/4/2015 đến 31/12/2015
Chi phí người đại diện vốn	541.413.462
Thuế bị truy thu, bị phạt	34.872.743
Chi phí khấu hao đất không sử dụng	65.816.811
Chi phí khác	31.098.150
Cộng	673.201.166

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	62.778.811.778
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	<u>(3.184.176.022)</u>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	59.594.635.756
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	<u>124.995.000</u>
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>477</u>

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm tính theo số kế hoạch của các công ty trong Tập đoàn.

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Từ 17/4/2015 đến 31/12/2015</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	883.098.513.256
Chi phí nhân công	92.738.031.551
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.313.551.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.100.559.508
Chi phí khác	<u>31.593.825.441</u>
Cộng	<u>1.075.844.481.201</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm, Tập đoàn đã nộp tiền vào ngân sách Nhà nước phần lợi nhuận còn lại của giai đoạn trước cổ phần và phần chênh lệch giữa giá trị phần vốn Nhà nước và vốn điều lệ là 124.431.336.610 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. -Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về chi phí thuê nhà kho với các cá nhân có liên quan với số tiền là 35.000.000 VND.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.14.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có tiền lương với tổng tiền lương trong năm là 2.028.000.000 VND.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty liên doanh thủy sản Việt Nga	Công ty liên doanh
Công ty cổ phần đóng sửa tàu Nhà Bè	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thủy sản số 5	Công ty liên kết
Công ty cổ phần chế biến thủy sản Hạ Long	Công ty liên kết
Công ty cổ phần công nghiệp thủy sản	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ nuôi trồng thủy sản Hạ Long	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thủy sản số 4	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc Proconco	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5a và V.20.

2. **Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực nuôi trồng, thương mại ngành thủy sản;
- Các lĩnh vực khác.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo khu vực kinh doanh như sau:

	Từ 17/4/2015 đến 31/12/2015
Lĩnh vực nuôi trồng, thương mại ngành thủy sản	1.008.076.863.905
Các lĩnh vực khác	412.456.691.140
Cộng	1.420.533.555.045

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Từ 17/4/2015 đến 31/12/2015
Xuất khẩu	771.230.938.136
Trong nước	649.302.616.909
Cộng	1.420.533.555.045

Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng Chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	130.763.477.730	(2.720.000.000)	128.043.477.730
Phải thu ngắn hạn khác	136	21.880.197.943	2.321.421.675	24.201.619.618
Tài sản ngắn hạn khác	155	2.321.421.675	(2.321.421.675)	-
Phải thu dài hạn khác	216	-	1.055.961.800	1.055.961.800
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	2.720.000.000	2.720.000.000
Tài sản dài hạn khác	268	1.055.961.800	(1.055.961.800)	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 01: Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Tăng do kết chuyển	Giảm theo Điều 80 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014	Phản lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức lợi nhuận được chia trước ngày 17/4/2015	Trích quỹ	Giá trị phần chuyển nhượng	Giảm do thoái vốn công ty con	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty liên doanh thủy sản Việt Nga	4.994.824.935	-	-	-	-	-	-	-	4.994.824.935
Công ty cổ phần đóng sửa tàu Nhà Bè	2.926.284.376	8.234.110	(104.040.000)	254.684.554	-	-	-	-	3.085.163.040
Công ty cổ phần thủy sản số 5	10.080.449.756	-	-	823.913.564	(693.000.000)	(105.615.581)	-	-	10.105.747.739
Công ty cổ phần chế biến thủy sản Hạ Long	2.252.038.314	-	(63.360.000)	-	-	-	(2.188.678.314)	-	-
Công ty cổ phần công nghiệp thủy sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long	32.084.820.533	-	-	3.807.571.818	(2.081.040.000)	(272.694.682)	-	-	33.538.657.669
Công ty cổ phần dịch vụ nuôi trồng thủy sản Hạ Long	7.311.024.691	-	(256.000.000)	254.686.987	-	(18.850.588)	-	-	7.290.861.090
Công ty cổ phần thương mại quảng cáo Seaprodex	337.103.146	-	-	-	-	-	(337.103.146)	-	-
Công ty cổ phần thủy sản số 4	76.752.183.447	-	-	2.064.868.867	(2.536.412.412)	(1.318.346.405)	-	-	74.962.293.497
Công ty cổ phần thủy sản 584 Nha Trang	4.058.604.180	-	-	-	-	-	-	(4.058.604.180)	-
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung	-	52.125.555.740	-	1.026.829.427	-	-	-	-	53.152.385.167
Công ty cổ phần Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc Proconco	-	546.897.499.662	-	47.748.031.768	-	-	-	-	594.645.531.430
Cộng	140.797.333.378	599.031.289.512	(423.400.000)	55.980.586.985	(5.310.452.412)	(1.715.507.255)	(2.525.781.460)	(4.058.604.180)	781.775.464.567

Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Hiên

Võ Thị Hiên
Người lập biểu

me

Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



Trần Tấn Tâm
Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 02: **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm nay	1.250.000.000.000	167.068.599	-	3.496.938.397	18.466.141.983	52.395.879.004	158.349.802.139	1.482.875.830.122
Mua lại cổ phiếu đã phát hành trong năm nay	-	-	(50.500.000)	-	-	-	-	(50.500.000)
Thoái vốn công ty con trong năm nay	-	28.239.637	-	(8.250.000.000)	(6.048.993.795)	8.250.000.000	(58.031.634.160)	(64.052.388.318)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	62.778.811.778	10.208.078.270	72.986.890.048
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(1.829.700.000)	(1.829.700.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(761.678.772)	(688.157.752)	(1.449.836.524)
Xử lý lỗ do hợp tác với Công ty TNHH vận tải biển Tự Thành (Tàu Tự Thành 68)	-	-	-	-	(1.157.237.316)	-	-	(1.157.237.316)
Tặng/ Giảm khác	-	-	-	(162.402.157)	-	488.184.168	228.373.543	554.155.554
Số dư cuối kỳ	1.250.000.000.000	195.308.236	(50.500.000)	(4.915.463.760)	11.259.910.872	123.151.196.178	108.236.762.040	1.487.877.213.566

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016



Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc

Võ Thị Hiền
Người lập biểu

Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

